TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

1. Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

2. Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thanh Huyền; bà Nguyễn Thị Thơ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 04/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 42/QĐST-HNGĐ, ngày 19/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lê Thục Q, sinh năm 1997; căn cước công dân số D; địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1994; căn cước công dân số 042094014587; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản. (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1971, bà Trần Thị N, sinh năm 1975, Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Lê Thục Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn hợp pháp, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2016 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu mới sang vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm

nhau, nhưng đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, lại sống cách xa nên tình cảm dần phai nhạt. Đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên tự do ổn định cuộc sống, không ràng buộc gì nhau nữa.

Về con chung: Quá trình hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 05/9/2016 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/8/2019. Khi ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giao cháu Trần Ngọc Bảo C cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Trần Ngọc A Anh cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Trần Văn T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng đồng thời tiến hành xác minh qua người thân của anh T là bố mẹ đẻ ông Trần Văn H và bà Trần Thị N đến lần thứ hai nhưng người thân không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án biết. Tại biên bản ghi ý kiến trình bày của bị đơn ngày 24/11/2025 thực hiện từ tài khoản messenger của chị Nguyễn Lê Thục Q bằng tên đăng nhập Nguyễn Emily qua tài khoản messenger của anh Trần Văn T, tên đăng nhập Thành T1 với sự chứng kiến của chị Thục Q, anh T trình bày: Anh đã được gia đình thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh và chị Q. Quan điểm của anh là vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, tình cảm không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung anh nhất trí mỗi người nuôi một con chung, chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo C, anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Anh A, trong thời gian anh đang lao động tại Nhật Bản cháu A A tiếp tục chung sống cùng ông bà nội. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại Nhật Bản, lao động bất hợp pháp nên việc đi về rất khó khăn, không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vợ chồng không có tranh chấp gì, mọi việc nên thực hiện theo thủ tục nhanh nhất để các bên ổn định cuộc sống. Anh đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân của anh ở Việt Nam là bố mẹ đẻ ông Trần Văn H và bà Trần Thị N, họ sẽ có trách nhiệm thông tin cho anh. Quá trình sau đó anh T không có bất kỳ thông tin văn bản ý kiến trình bày nào khác.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Trần Văn H và bà Trần Thị N trình bày: Quá trình vợ chồng Q - T xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào ông bà không rõ. Sau khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án ông bà đã thông tin cho T, về quan điểm T cũng nhất trí ly hôn vì vợ chồng đã có quá trình mâu thuẫn kéo dài, sống cách xa nhau nên tình cảm phai nhạt. Về con chung vợ chồng Q – T là cháu Trần Ngọc A Anh và Trần Ngọc Bảo C sống cùng ông bà từ nhỏ cho đến nay. Trường hợp Tòa án giao con cho T chăm sóc, nuôi dưỡng thì trong thời gian T đang đi làm ăn xa ông bà tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Về cấp dưỡng nuôi cháu ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại 02 phiên xét xử là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Lê Thục Q được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/8/2019 cho chị Nguyễn Lê Thục Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 05/9/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh T đang lao động tại nước ngoài cháu A A tiếp tục sống cùng ông bà nội ông Trần Văn H và bà Trần Thị N. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Lê Thục Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo

quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo thông tin xuất nhập cảnh tại Công văn số 1519/QLXNC – Đ1, ngày 04/11/2025 của phòng Q1 - Công an tỉnh H xác nhận bị đơn anh Trần Văn T, sinh ngày 23/6/1994, căn cước công dân số 042094014587, Nơi đăng ký HKTT: Xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh gần nhất ngày 27/3/2022 qua SBQT Nội Bài bằng HC C4223879, hiện không thấy thông tin nhập cảnh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Lê Thục Q yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn T và yêu cầu được nuôi con chung do đó xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự: Chị Nguyễn Lê Thục Q quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ và chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn T đã được thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại 02 phiên xét xử. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lê Thục Q và anh Trần Văn T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2016 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng sống cách xa nên tình cảm dần phai nhạt. Vợ chồng đã không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đã sống ly thân nhau hơn 03 năm.

Từ yêu cầu, trình bày của đương sự và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Lê Thục Q được ly hôn anh Trần Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Lê Thục Q và anh Trần Văn T có 02 con chung Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 05/9/2016 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/8/2019. Khi ly hôn, chị Q và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh T mặc dù đang lao động tại nước ngoài không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con nhưng đã có bố mẹ là ông Trần Văn H và bà Trần Thị N tự nguyện chăm sóc, nuôi dạy cháu trong thời gian anh T đi vắng. Chị Thục Q cũng đồng ý việc giao con chung là cháu Anh A cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T đang sống tại nước ngoài cháu tiếp tục sống cùng ông bà nội, cháu Anh A sống cùng ông bà nội từ nhỏ cho đến nay và có đơn trình bày nguyện vọng sống cùng bố. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của các cháu và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các cháu khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Ngọc Bảo C cho chị Nguyễn Lê Thục Q và giao cháu Trần Ngọc A Anh cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Lê Thục Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Lê Thục Q được ly hôn anh Trần Văn T.

3. Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/8/2019 cho chị Nguyễn Lê Thục Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến

tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Trần Ngọc Anh A, sinh ngày 05/9/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh T đang lao động tại nước ngoài cháu A A tiếp tục sống cùng ông bà nội ông Trần Văn H và bà Trần Thị N. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Lê Thục Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000422, ngày 30/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Lê Thục Q đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Lê Thục Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Phan Thị Thanh Huyền	**Nguyễn Thị T2**
	Lê Thị H1

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đan Hải;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phạm Hồng Chương Đoàn Xuân T3 **Lê Thị H1**